CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cao su Đồng Phú

Ngày 31/12/2025	38,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.4%	**2.7%**	**-2.2%**

DT thuần
Q4/25
457
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.0| -5.2%

LN thuần
Q4/25
125
tỷ VNĐ
QoQ: ▼64.0| -33.9%
YoY: ▼27.0| -17.8%

LN sau thuế
Q4/25
121
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.0| -21.7%
YoY: ▼20.0| -13.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
37.0%
YoY: +/-▲ 6.2%

ROE
2025
10.5%
YoY: +/-▲ 2.2%

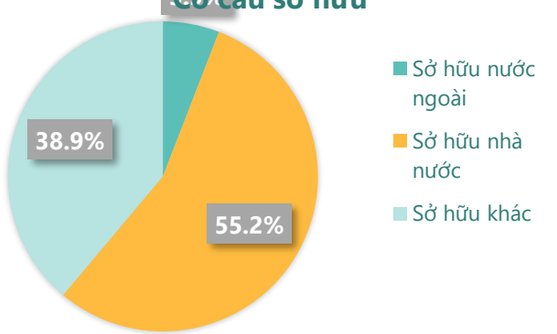
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	32,990 - 49,985
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,302
Số lượng CPLH (CP)	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	346,885
Sở hữu nước ngoài	5.9%
Beta	0.69
EPS	4,002
P/E	9.5

DT thuần
2025
1,343
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 119| 9.7%

LN thuần
2025
475
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 157| 49.1%

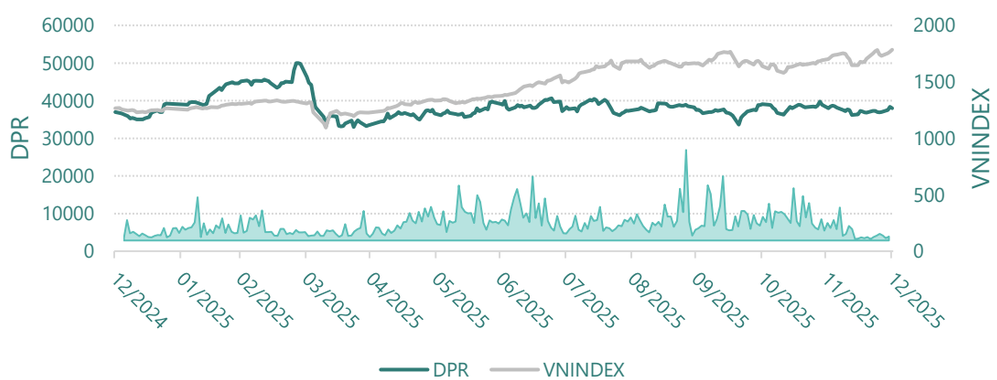
LN sau thuế
2025
414
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 90.0| 27.8%

Cơ cấu sở hữu

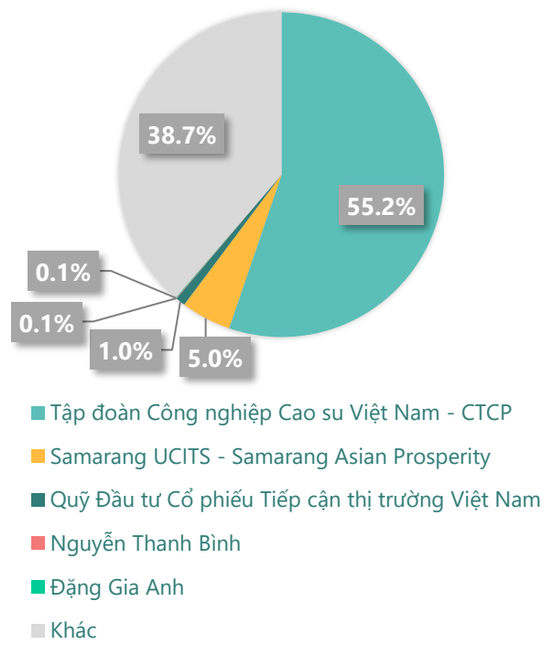


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



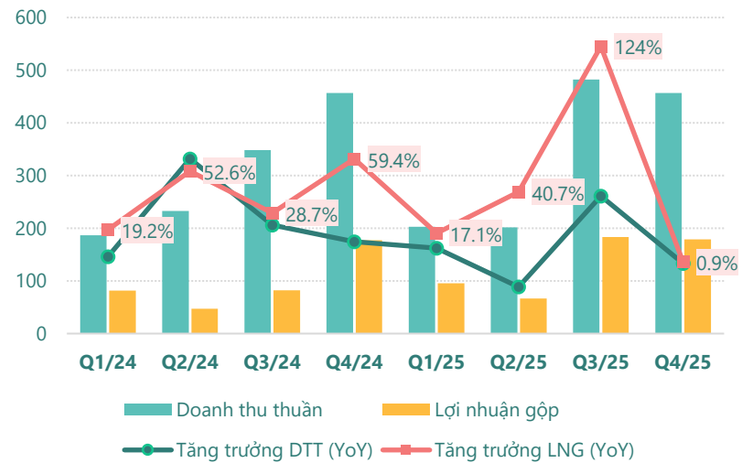
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

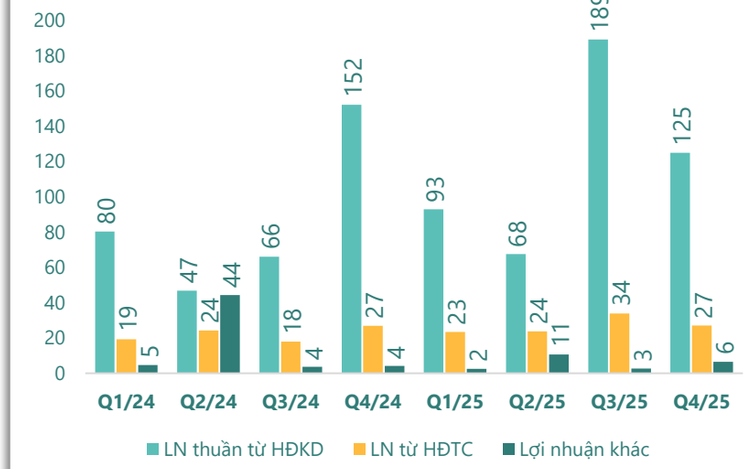
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



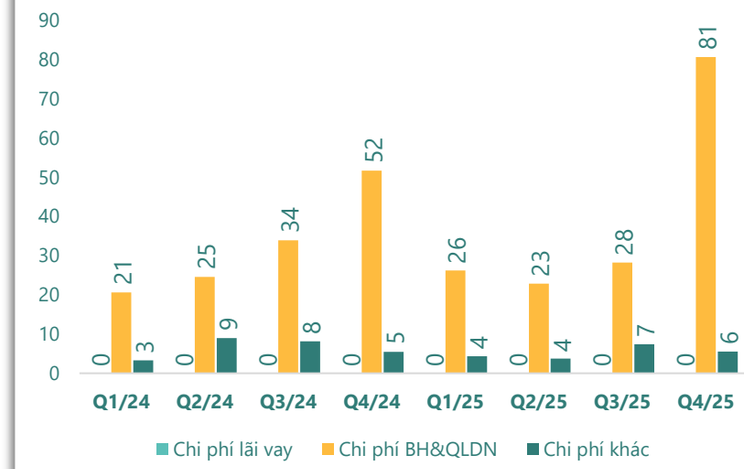
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



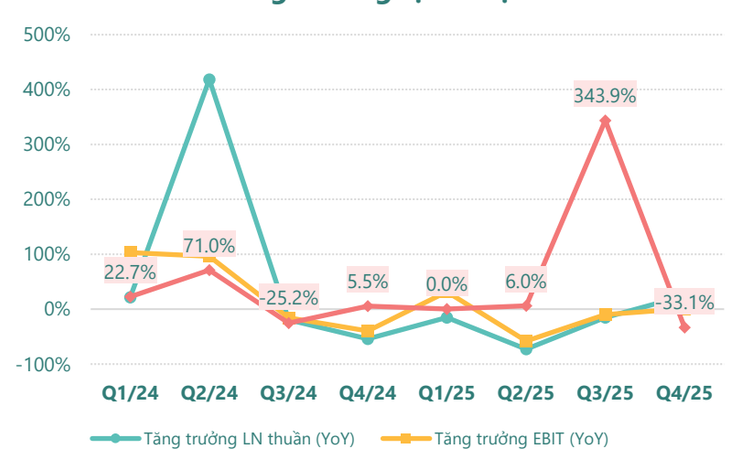
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



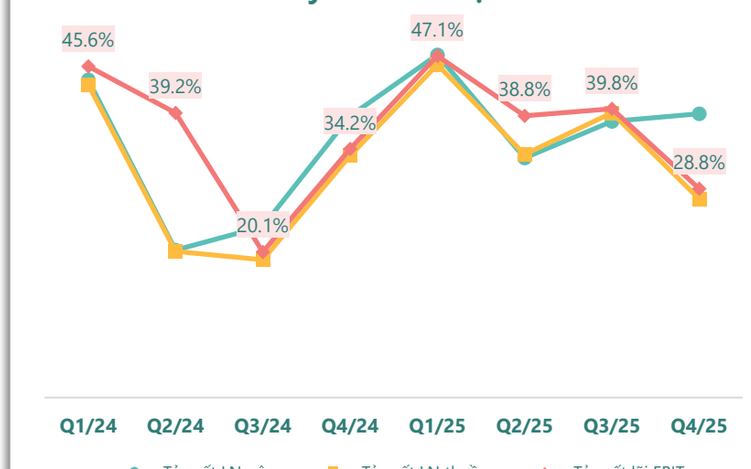
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



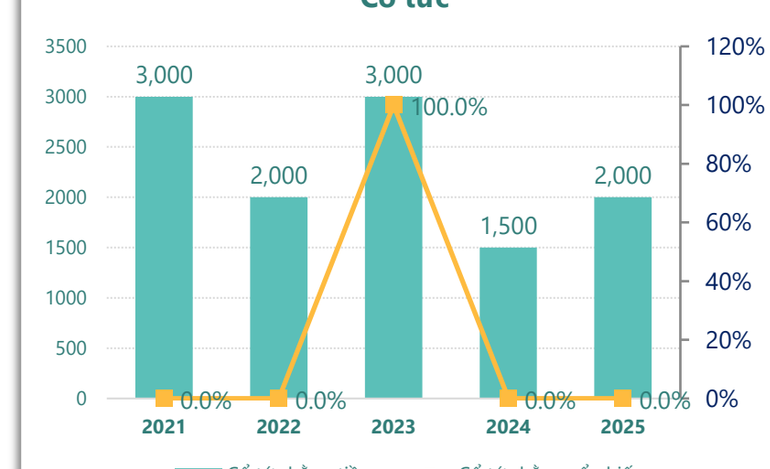
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

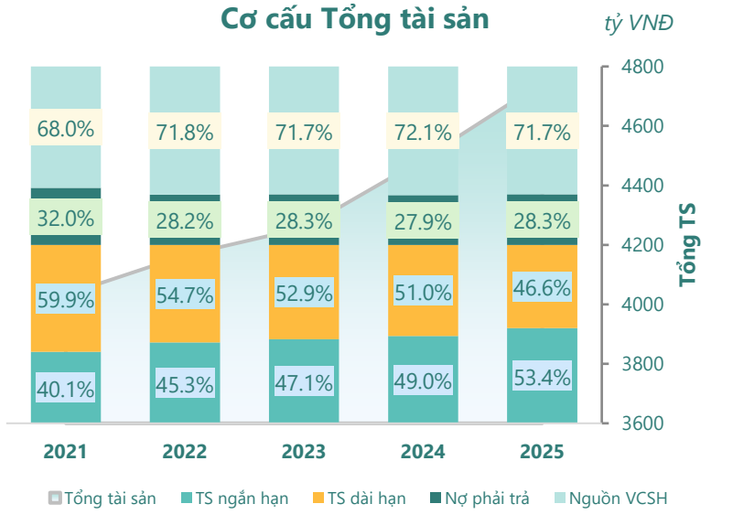
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

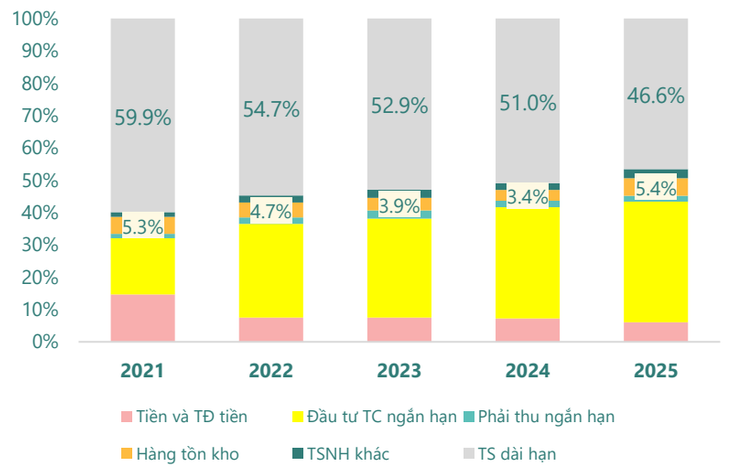
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



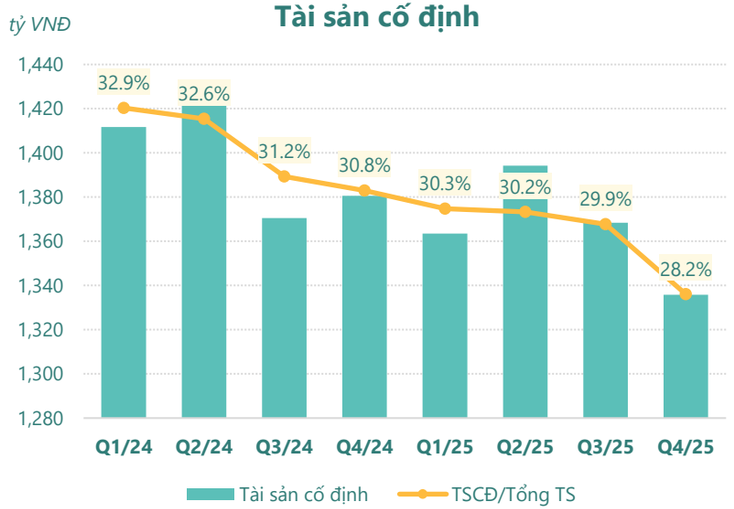
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



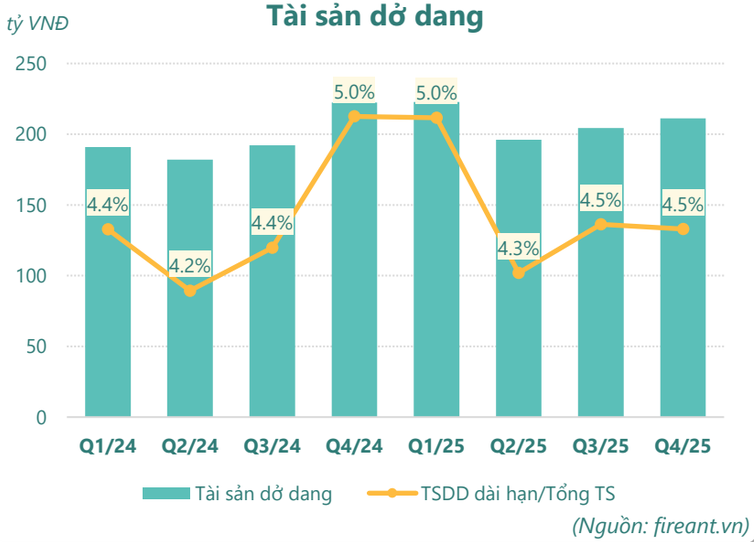
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



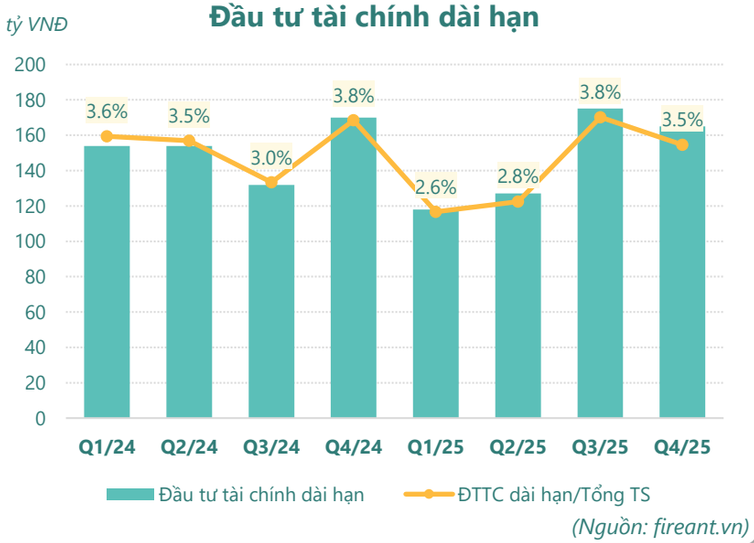
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



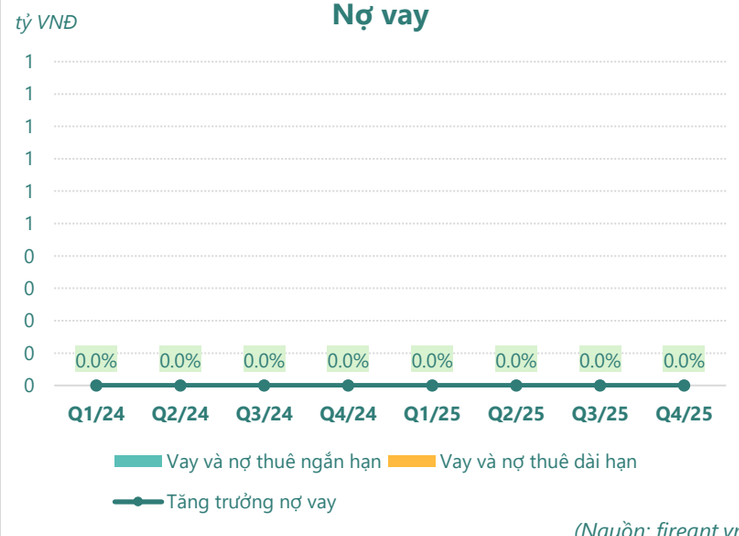
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

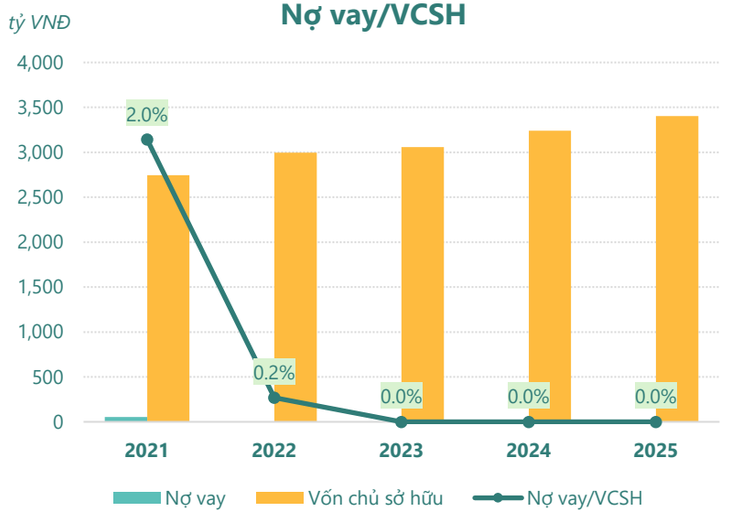
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

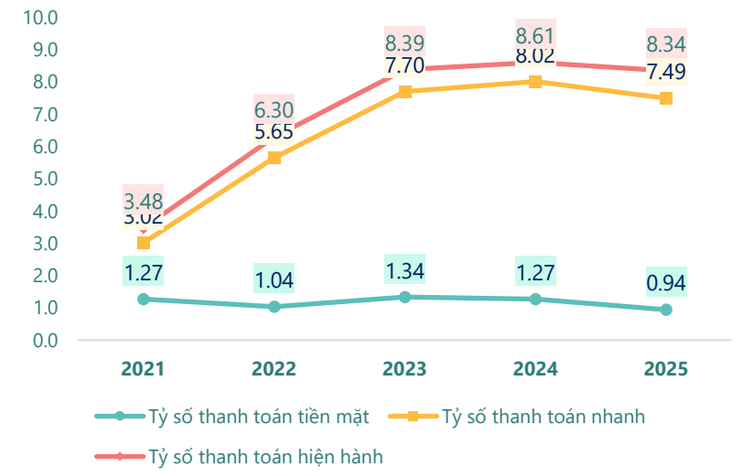
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



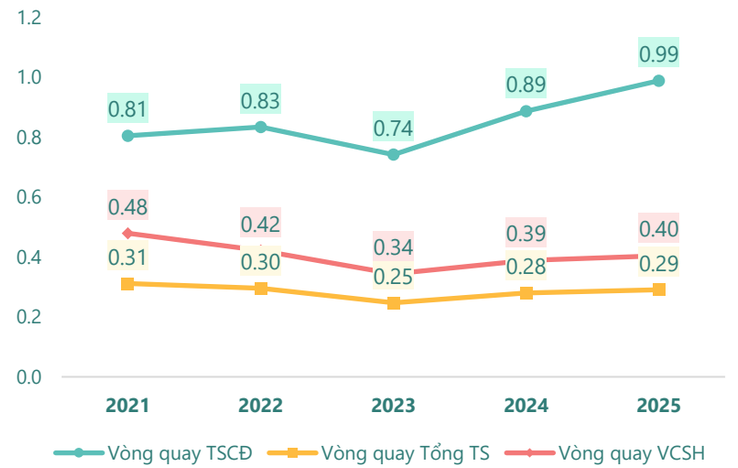
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



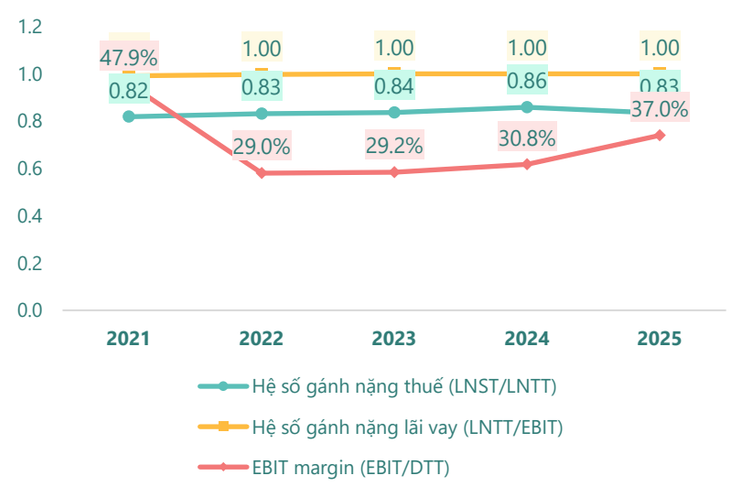
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



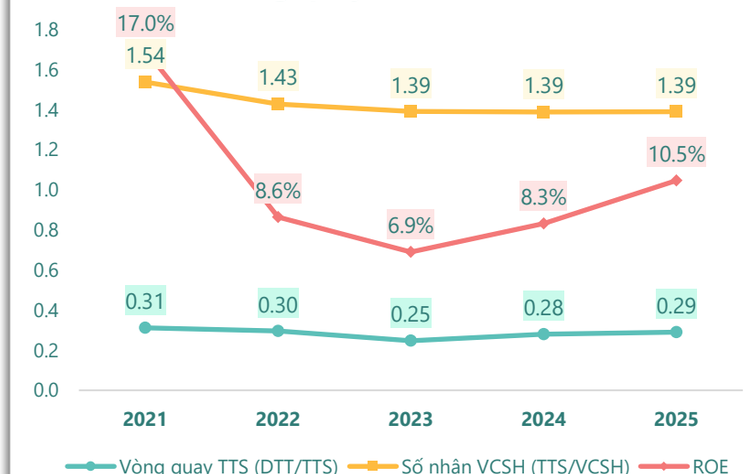
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



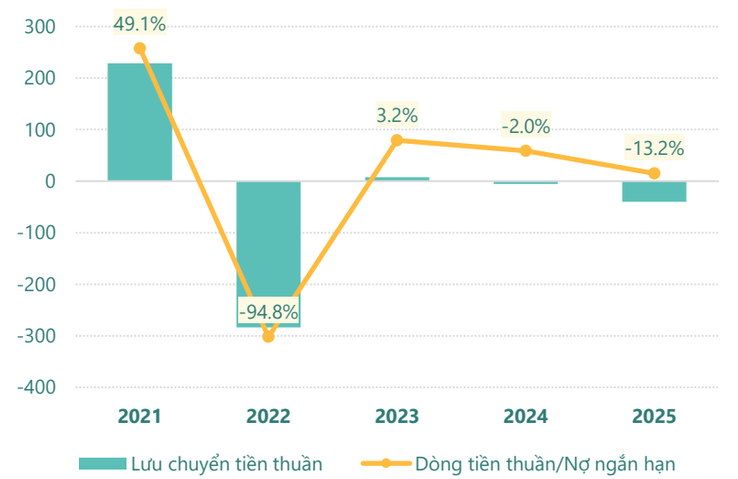
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**457**	**457**	**-0.1%**	**1,343**	**1,224**	**9.7%**
Giá vốn hàng bán	278	280	-0.7%	819	835	-1.9%
Lợi nhuận gộp	179	177	0.9%	524	390	34.6%
Doanh thu HĐTC	30.6	30.6	0.0%	114	97.9	16.4%
Chi phí TC	3.56	3.66	-2.8%	5.68	9.36	-39.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.51	6.50	0.2%	16.2	20.1	-19.2%
Chi phí QLDN	**74.2**	**45.2**	**64.1%**	**142**	**140**	**1.4%**
LN thuần từ HĐKD	125	152	-17.8%	475	318	49.1%
Lợi nhuận khác	**6.46**	**4.19**	**54.1%**	**22.3**	**59.3**	**-62.3%**
LN trước thuế	131	156	-15.8%	497	378	31.6%
Lợi nhuận sau thuế	**121**	**141**	**-13.9%**	**414**	**324**	**27.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**92.4**	**110**	**-16.0%**	**348**	**262**	**32.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	129	209	-11.7	38.6	99.9	26.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.4	30.5	-20.2	5.29	136	-117
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.7	-230	-0.28	0.13	-192	-5.22
Tiền đầu kỳ	237	316	326	294	343	382
Lưu chuyển tiền thuần	**81.6**	**9.21**	**-32.2**	**44.0**	**44.1**	**-96.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.32	0.83	0.26	5.62	-5.88	0.78
Tiền cuối kỳ	316	326	294	343	382	286

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,745**	**4,488**	**5.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,533	2,200	15.1%
Tiền và tương đương tiền	286	326	-12.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,773	1,545	14.8%
Phải thu ngắn hạn	83.5	87.5	-4.5%
Hàng tồn kho	259	151	70.8%
Tài sản ngắn hạn khác	132	91.1	44.6%
Tài sản dài hạn	**2,212**	**2,288**	**-3.3%**
Phải thu dài hạn	3.66	3.60	1.6%
Tài sản cố định	1,336	1,381	-3.2%
Bất động sản đầu tư	116	129	-9.8%
Tài sản dở dang	211	222	-5.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	165	170	-2.9%
Tài sản dài hạn khác	**380**	**383**	**-0.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,343	1,253	7.2%
Nợ ngắn hạn	**304**	**256**	**18.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	14.8	5.79	156%
Nợ dài hạn	1,039	998	4.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,402**	**3,235**	**5.2%**
Vốn chủ sở hữu	**3,402**	**3,240**	**5.0%**
Vốn điều lệ	869	869	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**-4.94**	**100%**

(Nguồn: fireant.vn)